



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH  
VÀ THIẾT BỊ BÌNH THUẬN**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2020 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2020: 11.000.000.000 đồng.

Trong đó, phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 52/GCN-TTGDHN ngày 28/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là BST. Ngày chính thức giao dịch là ngày 18/12/2008.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 70 Nguyễn Văn Trỗi - Thành phố Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận
- Điện thoại: (84) 62 3816 118
- Fax: (84) 62 3817 595
- Website: [www.stbbt.com.vn](http://www.stbbt.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mở siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 38 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                         |            |  |
|-------------------------|------------|--|
| • Ông Trần Văn Hưng     | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 28/05/2020                                   |
| • Ông Nguyễn Văn So     | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 07/02/2015<br>Miễn nhiệm ngày 28/05/2020     |
| • Ông Vũ Bùi Biền       | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020                               |
| • Ông Nguyễn Minh Hà    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28/05/2020                                   |
| • Ông Nguyễn Khoa Tuyền | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020                               |
| • Ông Trần Ngọc Trang   | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/02/2015<br>Miễn nhiệm ngày 28/05/2020 |

### Ban kiểm soát

- |                       |            |  |
|-----------------------|------------|--|
| • Ông Đỗ Huy Kiên     | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 28/05/2020                                   |
| • Ông Bùi Đình Thiện  | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 07/02/2015<br>Miễn nhiệm ngày 28/05/2020 |
| • Ông Lê Trung Nhân   | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020                               |
| • Ông Vương Trí Thịnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28/05/2020                                   |
| • Ông Trần Hữu Sơn    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/02/2015<br>Miễn nhiệm ngày 28/05/2020     |

### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                         |                |                              |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Minh Hà    | Giám đốc       | Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020 |
| • Ông Trần Hữu Sơn      | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 01/10/2020     |
| • Ông Nguyễn Khoa Tuyền | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020 |



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc  
Giám đốc  
  
Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 09 tháng 03 năm 2021



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 166/2021/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 07/03/2021 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

CÔNG TY

T.N.H.H

KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2021

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>16.995.414.549</b>	<b>16.761.539.250</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.127.399.521</b>	<b>1.308.442.328</b>
1. Tiền	111	5	2.127.399.521	1.308.442.328
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	6.000.000.000	7.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.452.552.192</b>	<b>4.930.613.603</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.931.286.069	4.510.604.104
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	225.586.855	5.396.600
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9a	130.628.316	194.684.067
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	376.630.672	461.020.556
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(211.579.720)	(241.091.724)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>4.399.410.941</b>	<b>3.522.483.319</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.744.271.202	3.597.780.430
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(344.860.261)	(75.297.111)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.051.895</b>	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.110.239	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		5.941.656	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.289.723.861</b>	<b>1.483.580.027</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>17.500.002</b>	<b>8.888.892</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9b	17.500.002	8.888.892
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>629.887.859</b>	<b>746.771.135</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	629.887.859	746.771.135
- Nguyên giá	222		3.437.883.936	3.437.883.936
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.807.996.077)	(2.691.112.801)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		83.000.000	83.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.000.000)	(83.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	-	-
- Nguyên giá	231		210.725.800	210.725.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(210.725.800)	(210.725.800)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>642.336.000</b>	<b>727.920.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6b	727.920.000	727.920.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(85.584.000)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>18.285.138.410</b>	<b>18.245.119.277</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.184.762.323</b>	<b>4.281.097.592</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.184.762.323</b>	<b>4.281.097.592</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	2.013.775.592	2.344.813.844
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	244.247.679	37.755.977
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	95.295.176	273.772.120
4. Phải trả người lao động	314		1.052.932.558	880.937.568
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		45.000.000	40.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	37.995.673	15.959.753
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	321.399.060	398.043.745
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		374.116.585	289.814.585
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>14.100.376.087</b>	<b>13.964.021.685</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>14.100.376.087</b>	<b>13.964.021.685</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		112.410.011	112.410.011
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	1.748.741.163	1.672.304.163
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	1.239.224.913	1.179.307.511
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		79.307.511	75.420.232
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.159.917.402	1.103.887.279
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>18.285.138.410</b>	<b>18.245.119.277</b>



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 07 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyên

Nguyễn Khoa Tuyên



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BT  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	61.933.255.803	57.475.178.644
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	284.423.435	461.589.769
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		61.648.832.368	57.013.588.875
4. Giá vốn hàng bán	11	25	52.238.132.224	48.290.469.949
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>9.410.700.144</b>	<b>8.723.118.926</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	508.441.627	500.352.871
7. Chi phí tài chính	22	27	444.503.297	218.815.116
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.526.898	19.513.400
8. Chi phí bán hàng	25	28a	5.652.225.981	5.367.555.723
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28b	2.067.477.015	1.964.588.524
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.754.935.478</b>	<b>1.672.512.434</b>
11. Thu nhập khác	31	29	23.123.571	40.488.372
12. Chi phí khác	32		2.861.745	9.712.506
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>20.261.826</b>	<b>30.775.866</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.775.197.304</b>	<b>1.703.288.300</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	248.380.902	340.464.499
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>1.526.816.402</b>	<b>1.362.823.801</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.124	1.028
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	1.124	1.028



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 07 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyên

Nguyễn Khoa Tuyên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	62.294.155.033	58.405.767.860
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(57.428.677.731)	(54.966.025.394)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.725.366.608)	(3.468.774.504)
4. Tiền lãi vay đã trả	04 27	(19.526.898)	(19.513.400)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05 18	(252.886.076)	(351.548.348)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.615.636.899	3.025.322.800
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.960.975.526)	(3.017.809.631)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>522.359.093</b>	<b>(392.580.617)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.090.000.000)	(7.093.968.543)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	10.145.444.641	7.128.306.258
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 10,26	417.798.144	296.230.967
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.473.242.785</b>	<b>330.568.682</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33 20	894.165.160	139.512.490
2. Tiền trả nợ gốc vay	34 20	(970.809.845)	(254.345.530)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 21	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.176.644.685)</b>	<b>(1.214.833.040)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>818.957.193</b>	<b>(1.276.844.975)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	1.308.442.328	2.585.287.303
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 5</b>	<b>2.127.399.521</b>	<b>1.308.442.328</b>



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 07 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền

Nguyễn Khoa Tuyền



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/06/2020 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mở siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2 Các khoản đầu tư tài chính

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

##### *Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác*

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

##### *Dự phòng*

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc dự phòng được thực hiện như sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### 4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	Hết khấu hao

### 4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	Hết khấu hao

### 4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.10 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế hoạch vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến các luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### 4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### 4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm 2020 Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo hướng dẫn tại Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ do có doanh thu không vượt quá 200 tỷ đồng.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.19 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và đầu tư tài chính.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và chi phí phải trả.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	34.941.000	5.176.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.092.458.521	1.303.266.328
<b>Cộng</b>	<b>2.127.399.521</b>	<b>1.308.442.328</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 6. Đầu tư tài chính

#### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	6.000.000.000	6.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>

Tại ngày 31/12/2020, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

#### b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020			01/01/2020			Giá trị hợp lý
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương (i)	Đang hoạt động	3%	30.000	300.000.000	-	-	300.000.000
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (BMD)(ii)	Đang hoạt động	1,55%	42.792	427.920.000	(85.584.000)	342.336.000	427.920.000
<b>Cộng</b>				<b>727.920.000</b>	<b>(85.584.000)</b>	<b>342.336.000</b>	<b>727.920.000</b>

(i) Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Sách TBGD Bình Dương có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích dự phòng.

(ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (mã chứng khoán BMD) được xác định căn cứ theo giá tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 31/12/2020.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Trường Tiểu học Thuận Minh 2	138.283.200	136.937.200
Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	105.180.562	102.970.800
Các đối tượng khác	3.687.822.307	4.270.696.104
<b>Cộng</b>	<b>3.931.286.069</b>	<b>4.510.604.104</b>

### 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Miền Nam (bên liên quan)	225.586.855	-
Các đối tượng khác	-	5.396.600
<b>Cộng</b>	<b>225.586.855</b>	<b>5.396.600</b>

### 9. Phải thu về cho vay

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Cán bộ công nhân viên (i)	130.628.316	194.684.067
<b>Cộng</b>	<b>130.628.316</b>	<b>194.684.067</b>

(i) Cho cán bộ công nhân viên vay vốn không có tài sản thế chấp với thời hạn từ 10 tháng đến 30 tháng, lãi suất cho vay từ 7%/năm.

#### b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Cán bộ công nhân viên (ii)	17.500.002	8.888.892
<b>Cộng</b>	<b>17.500.002</b>	<b>8.888.892</b>

(ii) Cho cán bộ công nhân viên vay vốn không có tài sản thế chấp với thời hạn 24 tháng, lãi suất cho vay là 7%/năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	46.558.333	-	190.195.833	-
Tạm ứng	8.001.000	-	28.407.636	-
Ký quỹ, ký cược	318.457.000	-	186.482.200	(3.773.700)
Phải thu khác	3.614.339	-	55.934.887	-
<b>Cộng</b>	<b>376.630.672</b>	<b>-</b>	<b>461.020.556</b>	<b>(3.773.700)</b>

### 11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng cho khoản nợ phải thu quá hạn	211.579.720	241.091.724
- Từ 1 năm đến 2 năm	22.540.383	-
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	71.344.469	-
- Từ 3 năm trở lên	117.694.868	241.091.724
<b>Cộng</b>	<b>211.579.720</b>	<b>241.091.724</b>

### 12. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	4.744.271.202	(344.860.261)	3.597.780.430	(75.297.111)
<b>Cộng</b>	<b>4.744.271.202</b>	<b>(344.860.261)</b>	<b>3.597.780.430</b>	<b>(75.297.111)</b>

- Giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2020 là 344.860.261 đồng. Hiện nay Công ty đang có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2020.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	1.984.596.285	1.082.872.651	370.415.000	3.437.883.936
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.984.596.285</b>	<b>1.082.872.651</b>	<b>370.415.000</b>	<b>3.437.883.936</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	1.475.833.285	868.002.016	347.277.500	2.691.112.801
Khấu hao trong kỳ	29.493.498	78.134.778	9.255.000	116.883.276
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.505.326.783</b>	<b>946.136.794</b>	<b>356.532.500</b>	<b>2.807.996.077</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	508.763.000	214.870.635	23.137.500	746.771.135
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>479.269.502</b>	<b>136.735.857</b>	<b>13.882.500</b>	<b>629.887.859</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 1.890.980.570 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

### 14. Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính có nguyên giá 83.000.000 đồng, đã khấu hao hết.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 15. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>210.725.800</b>	<b>210.725.800</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>210.725.800</b>	<b>210.725.800</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	-	-
<b>Số đánh cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 210.725.800 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020.

### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục Phương Nam	230.000.000	190.410.948
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	177.444.839	530.252.619
Công ty TNHH MTV TM-DV Thiên Long Hoàng Cầu	220.478.416	41.137.502
Các đối tượng khác	1.385.852.337	1.583.012.775
<b>Cộng</b>	<b>2.013.775.592</b>	<b>2.344.813.844</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách Giáo dục tại TPHCM	Chung Công ty đầu tư	129.218.290	11.324.640
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư	177.444.839	530.252.619
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	230.000.000	190.410.948
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	80.031.985	101.312.855
<b>Cộng</b>		<b>616.695.114</b>	<b>833.301.062</b>

### 17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Nguyễn Phương Hà	100.000.000	-
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Bình Thuận	36.950.000	-
Các đối tượng khác	107.297.679	37.755.977
<b>Cộng</b>	<b>244.247.679</b>	<b>37.755.977</b>

### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	161.849.082	515.471.494	677.320.576	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	30.491.991	248.380.902	252.886.076	-	25.986.817
Thuế thu nhập cá nhân	-	81.431.047	158.858.254	170.980.942	-	69.308.359
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	34.539.384	40.481.040	5.941.656	-
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>273.772.120</b>	<b>962.250.034</b>	<b>1.146.668.634</b>	<b>5.941.656</b>	<b>95.295.176</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	34.657.000	-
Bảo hiểm xã hội	3.338.673	15.959.753
<b>Cộng</b>	<b>37.995.673</b>	<b>15.959.753</b>

### 20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Cán bộ công nhân viên trong Công ty	398.043.745	138.065.160	214.709.845	321.399.060
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Thuận	-	756.100.000	756.100.000	-
<b>Cộng</b>	<b>398.043.745</b>	<b>894.165.160</b>	<b>970.809.845</b>	<b>321.399.060</b>

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	11.000.000.000	112.410.011	1.645.047.687	1.175.420.232	13.932.877.930
Tăng trong kỳ	-	-	27.256.476	1.362.823.801	1.390.080.277
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.358.936.522	1.358.936.522
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>112.410.011</b>	<b>1.672.304.163</b>	<b>1.179.307.511</b>	<b>13.964.021.685</b>
Số dư tại 01/01/2020	11.000.000.000	112.410.011	1.672.304.163	1.179.307.511	13.964.021.685
Tăng trong kỳ	-	-	76.437.000	1.526.816.402	1.603.253.402
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.466.899.000	1.466.899.000
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>112.410.011</b>	<b>1.748.741.163</b>	<b>1.239.224.913</b>	<b>14.100.376.087</b>

#### b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	4.400.000.000	4.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.600.000.000	6.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2020	Năm 2019
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>1.100.000.000</b>

### d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

### e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.179.307.511	1.175.420.232
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.526.816.402	1.362.823.801
Phân phối lợi nhuận	1.466.899.000	1.358.936.522
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	1.100.000.000	1.100.000.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	1.100.000.000	1.100.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (**)	366.899.000	258.936.522
- Quỹ đầu tư phát triển	76.437.000	27.256.476
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	290.462.000	231.680.046
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>1.239.224.913</b>	<b>1.179.307.511</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 63/NQ-ĐHCD-2020 ngày 28/05/2020.

(\*\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 133/NQ-ĐHCD-2020 ngày 2/11/2020.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 28/05/2020 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương ứng 1.100.000.000 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức trong năm 2020.

### 22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	VNĐ	Nguyên nhân xóa nợ
DNTN Hoàng Hải	16.250.000	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Quản lý Dự án Kiên Long	43.250.000	Nợ không thu hồi được
Đỗ Đình Nam	52.832.481	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Ngọc	57.791.666	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế ECENTER Phan Thiết	30.000.000	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Mộng Thu	17.563.106	Nợ không thu hồi được
Các đối tượng khác	87.545.924	
<b>Cộng</b>	<b>305.233.177</b>	

### 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán sách giáo khoa	42.801.434.322	38.599.321.643
Doanh thu bán sách tham khảo	1.376.655.159	1.558.370.981
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	7.602.672.837	5.800.340.080
Doanh thu bán hàng hóa khác	10.152.493.485	11.421.691.394
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	95.454.546
<b>Cộng</b>	<b>61.933.255.803</b>	<b>57.475.178.644</b>

### 24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
Hàng bán bị trả lại	284.423.435	461.589.769
<b>Cộng</b>	<b>284.423.435</b>	<b>461.589.769</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn sách giáo khoa	37.700.127.961	34.497.795.487
Giá vốn sách tham khảo	895.461.444	1.014.342.627
Giá vốn thiết bị giáo dục	6.259.859.033	4.354.697.013
Giá vốn hàng hóa khác	7.037.823.525	8.348.337.711
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	344.860.261	75.297.111
<b>Cộng</b>	<b>52.238.132.224</b>	<b>48.290.469.949</b>

### 26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	201.368.644	284.332.833
Chiết khấu thanh toán	234.280.983	158.205.238
Cổ tức, lợi nhuận được chia	72.792.000	57.814.800
<b>Cộng</b>	<b>508.441.627</b>	<b>500.352.871</b>

### 27. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	19.526.898	19.513.400
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm (Hoàn nhập)/ Dự phòng tổn thất đầu tư	339.392.399	408.982.516
	85.584.000	(209.680.800)
<b>Cộng</b>	<b>444.503.297</b>	<b>218.815.116</b>

### 28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân công	3.129.492.130	2.856.589.227
Chi phí khấu hao TSCĐ	87.389.772	87.389.772
Chi phí tuyên truyền quảng cáo, môi giới	1.298.355.849	1.204.484.700
Các khoản khác	1.136.988.230	1.219.092.024
<b>Cộng</b>	<b>5.652.225.981</b>	<b>5.367.555.723</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân công	1.243.882.648	1.136.663.004
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	177.470.136	150.174.727
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.493.504	29.493.504
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	119.579.720	197.841.724
Các khoản khác	497.051.007	450.415.565
<b>Cộng</b>	<b>2.067.477.015</b>	<b>1.964.588.524</b>

### 29. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
Xử lý kiểm kê hàng thừa	10.274.968	24.538.701
Thu nhập khác	12.848.603	15.949.671
<b>Cộng</b>	<b>23.123.571</b>	<b>40.488.372</b>

### 30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.775.197.304	1.703.288.300
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(1.048.000)	(965.808)
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	71.744.000	56.848.192
- Điều chỉnh giảm (cổ tức và lợi nhuận được chia)	72.792.000	57.814.000
Tổng thu nhập chịu thuế	1.774.149.304	1.702.322.492
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>248.380.902</b>	<b>340.464.499</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	354.829.860	340.464.499
- Giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020	(106.448.958)	-

### 31. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.526.816.402	1.362.823.801
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(290.462.000)	(231.680.046)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	290.462.000	231.680.046
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.236.354.402	1.131.143.755
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.124</b>	<b>1.028</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân công	4.373.374.778	3.993.252.231
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.883.276	116.883.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	940.944.331	991.014.868
Chi phí khác bằng tiền	2.168.920.891	2.033.152.148
<b>Cộng</b>	<b>7.600.123.276</b>	<b>7.134.302.523</b>

### 33. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Công ty thường vay cán bộ công nhân viên khi cần bổ sung vốn lưu động. Đây là những khoản vay với lãi suất thỏa thuận, ổn định và được xác định tại thời điểm nhận nợ. Do đó, Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro biến động về giá cả, công ty đã ký kết các hợp đồng nguyên tắc với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

#### Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Các đại lý được khuyến khích trả tiền sớm để hưởng các mức chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán tốt, trước khi nhận hàng phải trả dứt điểm đợt hàng trước.
- Bán hàng trực tiếp: Thu bằng tiền mặt, không có rủi ro tín dụng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>31/12/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	2.013.775.592	-	2.013.775.592
Chi phí phải trả	45.000.000	-	45.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	321.399.060	-	321.399.060
<b>Cộng</b>	<b>2.380.174.652</b>	<b>-</b>	<b>2.380.174.652</b>

  

<b>01/01/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	2.344.813.844	-	2.344.813.844
Chi phí phải trả	40.000.000	-	40.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	398.043.745	-	398.043.745
<b>Cộng</b>	<b>2.782.857.589</b>	<b>-</b>	<b>2.782.857.589</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>31/12/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.127.399.521	-	2.127.399.521
Đầu tư tài chính	-	642.336.000	642.336.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Phải thu khách hàng	3.780.091.979	-	3.780.091.979
Phải thu về cho vay	70.242.686	17.500.002	87.742.688
Phải thu khác	368.629.672	-	368.629.672
<b>Cộng</b>	<b>12.346.363.858</b>	<b>659.836.002</b>	<b>13.006.199.860</b>

  

<b>01/01/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.308.442.328	-	1.308.442.328
Đầu tư tài chính	-	727.920.000	727.920.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Phải thu khách hàng	4.395.286.080	-	4.395.286.080
Phải thu về cho vay	72.684.067	8.888.892	81.572.959
Phải thu khác	428.839.220	-	428.839.220
<b>Cộng</b>	<b>13.205.251.695</b>	<b>736.808.892</b>	<b>13.942.060.587</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 34. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư

#### b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch		Năm 2020	Năm 2019
<b>Mua hàng</b>			
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	20.923.168.921	19.176.640.305
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	3.250.882.910	487.888.180
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	2.192.292.687	1.723.209.459
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	13.555.994.511	13.803.184.692
Công ty CP Sách Dân tộc Hà Nội	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	98.535.070	154.326.140

#### c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2020	Năm 2019
Thu nhập của Ban Giám đốc	398.827.700	337.298.815
Thù lao Hội đồng quản trị	130.947.273	122.170.000

### 35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đã có thông báo chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 10%) vào ngày 22/01/2021. Dự kiến chi trả vào ngày 05/02/2021. Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**36. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 07 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyển

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyển